

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

A. GIỚI THIỆU:

I. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

1. Thông tin dự án:

- Tên dự án: Dự án thành phần 2: Thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống đường song hành trên cả địa phận thành phố Hà Nội và huyện Văn Giang (nay là các xã: Phụng Công, Văn Giang), tỉnh Hưng Yên, thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu.

- Nhóm Dự án: Dự án thành phần của Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông nhóm A

- Tổng mức đầu tư: 551.781.000.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Hà Nội và Ngân sách Trung ương.

- Địa điểm xây dựng: Xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội và các xã: Phụng Công, Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 - 2028.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội.

2. Mục tiêu đầu tư:

- Hoàn thiện tuyến đường Vành đai 3,5 kết nối trực tiếp với tỉnh Hưng Yên, kết hợp với hệ thống đường hướng tâm của thành phố Hà Nội (trục đô thị Mê Linh, Trục Tây Thăng Long, Quốc lộ 32, Đại lộ Thăng Long, Lê Văn Lương, Quốc lộ 6, Quốc lộ 1A, cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ), góp phần chia sẻ và phân bổ lưu lượng, tránh tình trạng các phương tiện giao thông có nhu cầu di chuyển từ phía Bắc, Tây - Bắc của thành phố về phía Đông - Nam của Thành phố phải di chuyển qua trung tâm Thành phố, từ đó giảm nguy cơ ùn tắc giao thông trên các tuyến đường hiện có như Vành Đai 3, đường Giải phóng (Quốc lộ 1A), Đường 70. Cải thiện điều kiện giao thông kết nối qua sông Hồng, thúc đẩy quá trình đô thị hóa khu vực làm tiền đề cho việc thực hiện chủ trương giãn dân số, giảm áp lực giao thông trong khu vực trung tâm thành phố Hà Nội và giảm tải cho các cầu Chương Dương, Long Biên, Nhật Tân, Thăng Long và cầu Vĩnh Tuy, từng bước hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải Hà Nội, đảm bảo an ninh, quốc phòng cho Thủ đô và phát triển không gian đô thị hiện đại hai bên sông Hồng;

- Tăng cường sự liên kết giữa Thủ đô Hà Nội với tỉnh Hưng Yên góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, tạo tiền đề cho việc phát triển Du lịch sinh thái và tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa giữa hai Tỉnh, Thành phố.

3. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Điểm đầu giao với đường quy hoạch trục Đại lộ cảnh quan tả sông Hồng thuộc địa

phận xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội; điểm cuối khớp nối với Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 3,5 (đoạn từ ĐT.378 đến QL.5) thuộc địa phận xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; chiều dài đường song hành trái khoảng 3,644km; đường song hành phải khoảng 3,633km;

- Đường song hành từ đường quy hoạch trục Đại lộ cảnh quan tả sông Hồng đến đê tả Hồng: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường chính khu vực, tốc độ thiết kế 60km/h;

- Đường song hành đoạn từ đê Tả Hồng đến cuối tuyến: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường khu vực, tốc độ thiết kế 50km/h;

- Xây dựng 04 nút giao gồm: Nút giao trong khu đô thị nhà vườn sinh thái; nút giao với đường di sản; nút giao đê Tả Hồng; nút giao với ĐT.377;

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước, chiếu sáng, an toàn giao thông, hè đường, cây xanh và các công trình phụ trợ khác đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

4. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói 02/TP2- TVTH: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC (bao gồm BIM).

- Công việc chính của gói thầu: Thực hiện tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công (bao gồm BIM).

- Giá gói thầu: 8.049.773.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%, chi phí dự phòng 5% cho phần khảo sát và tất cả các loại thuế, phí khác). Trong quá trình thực hiện gói thầu, trường hợp có phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng, chủ đầu tư sẽ xem xét sử dụng khoản dự phòng này để thanh toán khối lượng công việc phát sinh cho nhà thầu theo quy định.

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Hà Nội và ngân sách Trung ương.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 50 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.

- Loại hợp đồng: Hối hợp:

+ Phần khảo sát: Theo đơn giá cố định;

+ Phần thiết kế BVTC (bao gồm BIM): Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 75 ngày.

II. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

Lựa chọn được nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đáp ứng điều kiện năng lực, kinh nghiệm, đội ngũ chuyên gia lành nghề, trang thiết bị đầy đủ, am hiểu điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội địa phương có khả năng thực hiện công tác khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi

công (bao gồm BIM), đảm bảo sản phẩm dịch vụ tư vấn có chất lượng tốt nhất, đáp ứng tiến độ với giá thành hợp lý.

B. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

I. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (BAO GỒM LẬP MÔ HÌNH THÔNG TIN CÔNG TRÌNH (BIM))

1. Nội dung nhiệm vụ khảo sát:

1.1 Mục đích khảo sát xây dựng:

Khảo sát, thu thập các số liệu, tài liệu cần thiết nhằm cụ thể hóa thiết kế cơ sở, phục vụ cho công tác lập hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán và lập ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM)

1.2 Phạm vi khảo sát xây dựng:

Khảo sát theo phạm vi, quy mô Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 16/01/2026.

1.2.1 Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng:

Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án do đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát đề xuất, tuân thủ theo các tiêu chuẩn các quy chuẩn, tiêu chuẩn ở bước khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi có bổ sung, cập nhật chi tiết như sau:

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao.
- QCVN 47:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.
- TCVN 4419:1987 Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.
- TCVN 5747:1993 Đất xây dựng - phân loại.
- TCVN 9401:2012 Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.
- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.
- TCVN 9437:2012 Khoan thăm dò địa chất công trình.
- TCVN 13346:2021 Công trình phòng chống sạt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát thiết kế.
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ khai thác.
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.
- TCCS 41:2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.
- Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 theo Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định có liên quan.

1.2.2 Khối lượng công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập hồ sơ thiết kế BVTC - dự toán:

Trên cơ sở rà soát, kiểm tra, tận dụng tối đa kết quả khảo sát và kết quả tính toán, thiết kế cơ sở được phê duyệt, các bên đã cùng nhau thống nhất một số nội dung có tính nguyên tắc như sau:

- Giữ nguyên một số nội dung đã được phê duyệt trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, gồm: cấp địa hình, tỷ lệ đo vẽ cắt dọc, cắt ngang.

- Cập nhật, bổ sung một số công tác khảo sát để đảm bảo số liệu sát thực tế nhất tại thời điểm lập thiết kế BVTC và dự toán.

a. Công tác điều tra, thu thập:

Điều tra, thu thập số liệu phục vụ công tác lập dự toán, thị sát, rà soát đối chiếu hiện trường, làm việc thống nhất thỏa thuận cơ quan liên quan hạ tầng kỹ thuật, khảo sát mỏ vật liệu xây dựng, bãi đổ thải, vật liệu cát đắp, đất đắp, cát bê tông, đá bê tông, cấp phối bê tông nhựa, xác định cự ly vận chuyển, cấp loại đường vận chuyển các loại vật liệu sử dụng,...: 24 công.

b. Công tác khảo sát địa hình:

- Lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao: Tận dụng số liệu bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Khảo sát tuyến:

+ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m: Tận dụng số liệu bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi.

+ Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II: Tận dụng số liệu khảo sát của bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi. Đo vẽ, bổ sung, cập nhật, hiệu chỉnh (mức độ thực hiện tạm tính 50%).

+ Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Tận dụng số liệu khảo sát của bước lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi. Đo chêm dày bổ sung với mật độ 30 cọc/1km và đo từ tim tuyến về mỗi bên 20m.

- Khảo sát nút giao:

+ Nút giao khu đô thị sinh thái:

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II: Đo vẽ, bổ sung, cập nhật, hiệu chỉnh (mức độ thực hiện tạm tính 50%).

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo chêm dày bổ sung với mật độ 30 cọc/1km và đo từ tim tuyến về mỗi bên 20m.

+ Nút giao đường di sản:

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo vẽ với mật độ 55 cọc/1km và đo từ tim tuyến về mỗi bên 20m.

+ Nút giao đê tả Hồng:

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo chêm dày bổ sung với mật độ 30 cọc/1km và đo từ tim tuyến về mỗi bên 20m.

+ Nút giao ĐT.377:

Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0.5m, trên cạn, Địa hình cấp II: Đo bổ sung.

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II.

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo chêm dày bổ sung với mật độ 30 cọc/1km và đo từ tim tuyến về mỗi bên 20m.

- Khảo sát hoàn trả đường giao dân sinh, vượt nói dân sinh và điểm quay đầu xe:

+ Hoàn trả đường dân sinh: 5 đường

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo 5 mặt cắt /đường hoàn trả và đo từ tim tuyến về mỗi bên 10m.

+ Vuốt nói dân sinh: 31 đường

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II.

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo 3 mặt cắt /vuốt nói và đo từ tim tuyến về mỗi bên 10m.

+ Điểm quay đầu xe: 13 điểm

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II.

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo 5 mặt cắt /điểm quay đầu và đo từ tim tuyến về mỗi bên 10m.

- Khảo sát hệ thống thoát nước:

+ Cống ngang: 23 cái

Đo vẽ mặt cắt dọc cống, tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo 50m/cống.

Đăng ký cống cũ, 02 công/cống.

+ Hoàn trả kênh:

Đo vẽ mặt cắt dọc trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/50, địa hình cấp II.

Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp II: Đo 20m/mặt cắt và đo từ tim tuyến về mỗi bên 10m.

c. Công tác khảo sát địa chất:

- Nền đường thông thường: Tận dụng lỗ khoan địa chất của Dự án thành phần 3 và số liệu thí nghiệm của các lỗ khoan này.

- Nền đường đất yếu: Dự kiến 14 hố khoan, chiều sâu dự kiến 15m/hố.

+ Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I-III: 210m.

+ Công tác lấy mẫu thí nghiệm: Khoan lấy mẫu trung bình 2m/mẫu. Số lượng mẫu thí nghiệm 60% số mẫu; trong đó: mẫu thí nghiệm nguyên dạng là 50%, mẫu thí nghiệm phá hủy là 50% số mẫu thí nghiệm.

+ Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường mẫu đất nguyên dạng: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; khối lượng riêng; độ ẩm độ hút ẩm; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; tính nén

lún trong điều kiện không nở hông; sức chống cắt trên máy cắt phẳng. Mỗi loại thí nghiệm 32 mẫu.

+ Thí nghiệm các chỉ tiêu thông thường của mẫu phá hủy: Thành phần hạt; giới hạn dẻo, giới hạn chảy; hệ số rỗng nhỏ nhất và lớn nhất; góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát. Mỗi loại thí nghiệm 31 mẫu.

+ Thí nghiệm nén cố kết Cv: 1 mẫu/ lỗ khoan.

+ Thí nghiệm nén ba trục CU: 1 mẫu/ lỗ khoan.

+ Thí nghiệm nén ba trục UU: 1 mẫu/ lỗ khoan.

+ Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III: 2m/ lần.

+ Thí nghiệm cắt cánh hiện trường: 2m/ điềm.

2. Nhiệm vụ lập hồ sơ thiết kế BVTC - dự toán:

2.1 Các căn cứ để lập hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn

phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính; số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018; số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND Thành phố phê duyệt Dự án thành phần 2: Thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống đường song hành trên cả địa phận thành phố Hà Nội và huyện Văn Giang (nay là các xã: Phụng Công, Văn Giang), tỉnh Hưng Yên, thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu;

- Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu (hồ sơ hoàn chỉnh theo ý kiến các Sở, ngành Thành phố) do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm lập đã được đóng dấu phê duyệt;

- Các quy chuẩn, các tiêu chuẩn của dự án, tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định hiện hành có liên quan.

2.2 Mục tiêu đầu tư dự án:

- Hoàn thiện tuyến đường Vành đai 3,5 kết nối trực tiếp với tỉnh Hưng Yên, kết hợp với hệ thống đường hướng tâm của thành phố Hà Nội (trục đô thị Mê Linh, trục Tây Thăng Long, Quốc lộ 32, Đại lộ Thăng Long, Lê Văn Lương, Quốc lộ 6, Quốc lộ 1A, cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ), góp phần chia sẻ và phân bổ lưu lượng, tránh tình trạng các phương tiện giao thông có nhu cầu di chuyển từ phía Bắc, Tây - Bắc của thành phố về phía Đông - Nam của Thành phố phải di chuyển qua trung tâm Thành phố, từ đó giảm nguy cơ ùn tắc giao thông trên các tuyến đường hiện có như Vành Đai 3, đường Giải phóng (Quốc lộ 1A),

Đường 70. Cải thiện điều kiện giao thông kết nối qua sông Hồng, thúc đẩy quá trình đô thị hóa khu vực làm tiền đề cho việc thực hiện chủ trương giãn dân số, giảm áp lực giao thông trong khu vực trung tâm thành phố Hà Nội và giảm tải cho các cầu Chương Dương, Long Biên, Nhật Tân, Thăng Long và cầu Vĩnh Tuy, từng bước hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải Hà Nội, đảm bảo an ninh, quốc phòng cho Thủ đô và phát triển không gian đô thị hiện đại hai bên sông Hồng;

- Tăng cường sự liên kết giữa Thủ đô Hà Nội với tỉnh Hưng Yên góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, tạo tiền đề cho việc phát triển du lịch sinh thái và tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa giữa hai Tỉnh, Thành phố .

2.3 Địa điểm xây dựng: Xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội và các xã: Phụng Công, Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

2.4 Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình:

- Giải pháp thiết kế của dự án phải đảm bảo tuân thủ quy hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.5 Các yêu cầu về quy mô và thời gian sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:

- Quy mô công trình phù hợp với nội dung Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội.

- Các yêu cầu kỹ thuật của công trình đảm bảo tuân thủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan. Hồ sơ phải đảm bảo đo bóc khối lượng xây dựng tuân thủ quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2.6 Các yêu cầu về công tác lập dự toán xây dựng công trình:

- Dự toán xây dựng công trình được lập phải tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, áp dụng các bộ định mức, đơn giá,

phương pháp tính theo quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội, công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nội dung dự toán xây dựng công trình phải lập đúng, đủ, rõ ràng và đảm bảo tính chính xác, hợp pháp theo quy định.

3. Nội dung nhiệm vụ ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM:

3.1 Nội dung mô hình thông tin công trình BIM bước lập TKBVTC-DT.

- Thiết kế dựa trên nền tảng BIM đã được lập ở bước lập dự án đầu tư.
- Phối hợp 3D giữa các hạng mục, giữa thiết kế và hiện hữu.
- Tương tác trực tuyến thông qua môi trường dữ liệu chung (CDE).
- Quản lý, số hóa dữ liệu dự án.

3.2 Các hạng mục áp dụng mô hình thông tin công trình BIM:

- Công trình đường, nút giao và các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến như: thoát nước, cấp nước và PCCC, cây xanh, chiếu sáng, an toàn giao thông, đèn tín hiệu, các hạng mục di chuyển công trình ngầm nội phục vụ GPMB của Dự án và các công trình phụ trợ khác theo đúng nội dung của Dự án đã được UBND thành phố phê duyệt.

- Thời gian thực hiện ứng dụng mô hình thông tin công trình: Dự kiến 45 ngày.

3.3 Yêu cầu về sản phẩm và kỹ thuật:

Mức độ phát triển thông tin các cấu kiện, kết cấu, hạng mục công trình tham khảo Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 5835/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND thành phố Hà Nội ban hành hướng dẫn chi tiết áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.4 Sản phẩm bàn giao:

- Các sản phẩm bàn giao bằng file bao gồm cả định dạng dữ liệu gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với tính chất đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến: Mô hình hiện trạng công trình; các mô hình thành phần dự án; mô hình tổng hợp; các thông tin, dữ liệu trao đổi trên CDE.

- Các sản phẩm bàn giao bằng bản cứng: Báo cáo xung đột các bộ môn, hạng mục, mô hình thành phần dự án (đáp ứng và phục vụ quá trình triển khai dự án, thi công và bàn giao).

- Các sản phẩm quá trình áp dụng BIM phải được lưu trữ trên CDE.

- Các sản phẩm phục vụ quá trình thẩm định gồm: Mô hình hiện trạng công trình; các mô hình các kết cấu; báo cáo xung đột các bộ môn, hạng mục; mô hình tổng hợp; bản vẽ kết cấu các hạng mục của dự án; khối lượng bóc tách chi tiết từ mô hình BIM và ước tính chi phí cho các hạng mục.

- Danh mục các sản phẩm phục vụ giai đoạn sau thẩm định: Báo cáo tổng hợp ứng dụng BIM giai đoạn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; các thông tin, dữ liệu đã trao đổi trên CDE trong quá trình thực hiện BIM.

3.5 Yêu cầu về quản lý:

Để đảm bảo dung lượng các mô hình hoạt động tốt, tổng thể dữ liệu mô hình dự án

đề xuất chia thành các mô hình thành phần dự kiến như sau:

- Mô hình hiện trạng (mô hình cơ sở) gồm: Mô hình hệ thống đường giao thông; Cảnh quan, địa vật dọc tuyến: được tiếp nhận, kế thừa từ BIM bước lập thiết kế cơ sở, dự án đầu tư.

- Mô hình hóa phương án thiết kế, gồm: Mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết kết cấu các công trình: Mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết kết cấu các công trình: Kết cấu nền mặt đường, nút giao, hè đường, các dải phân cách, hệ thống thoát nước, tổ chức giao thông (vạch sơn, biển báo,...), cây xanh, chiếu sáng, đường ngang giao cắt với tuyến, các hạng mục di chuyển công trình ngầm nổi phục vụ GPMB.

Tùy thuộc vào tình hình triển khai thực tế tư vấn áp dụng BIM có thể đề xuất điều chỉnh kế hoạch phân chia dữ liệu mô hình này.

II. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Tiến độ thực hiện: Chuẩn bị và triển khai công tác khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công (bao gồm BIM) tối đa là 75 ngày: kể từ ngày ký hợp đồng.

2. Báo cáo thời gian thực hiện:

Nhà thầu sắp xếp kế hoạch, dự kiến trước và đăng ký lịch trình nộp hồ sơ và các báo cáo trong quá trình thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo tổng tiến độ như yêu cầu của E-HSMT.

III. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo đạt yêu cầu tối thiểu cho từng vị trí, chức danh, đặc biệt các vị trí nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đã đề xuất để thực hiện gói thầu đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế. Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư có thể yêu cầu và nhà thầu phải bố trí Nhân sự của nhà thầu có mặt để chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu tham gia gói thầu này.

- Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí đáp ứng yêu cầu tại Chương III của E-HSMT.

- Nhân lực của Nhà thầu tư vấn phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

- Chức danh, trình độ và thời gian của nhân lực dự kiến tham gia thực hiện công việc được quy định cụ thể trong hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân lực, bên nhận thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho bên giao thầu, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT và được Chủ đầu tư chấp thuận.

IV. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

IV.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên giao thầu

1. Quyền của bên giao thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; Nghị định 50/2021/NĐ-CP; Nghị định 35/2023/NĐ-CP; Nghị định 254/2025/NĐ-CP; Văn bản 02/VBHN-BXH ngày 17/5/2021, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định sau:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của bên nhận thầu nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của bên nhận thầu.
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của bên giao thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

- a) Cung cấp cho bên nhận thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của bên nhận thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

IV.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu

1. Quyền của bên nhận thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; Nghị định 50/2021/NĐ-CP; Nghị định 35/2023/NĐ-CP; Nghị định 254/2025/NĐ-CP; Văn bản 02/VBHN-BXH ngày 17/5/2021, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định sau:

- a) Yêu cầu bên giao thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên giao thầu hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của bên giao thầu.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của bên nhận thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Đối với hợp đồng thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của bên giao thầu.
- c) Bảo quản và giao lại cho bên giao thầu những tài liệu và phương tiện làm việc do bên giao thầu cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- d) Thông báo ngay bằng văn bản cho bên giao thầu về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không bảo đảm chất lượng để hoàn thành công việc.
- đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng hoặc pháp luật có quy định.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật (nếu có). Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các qui định của pháp luật được quy định ở trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.